| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN T**<br>**TỈNH TRÀ VINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 28 /2025/DS-ST
Ngày: 21-3-2025
V/v Tranh chấp hợp đồng
dân sự về góp hụi

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH TRÀ VINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Lâm Thị Mai Xuân

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Lê Văn Bài

2. Bà Trang Thị Cẩm Nhuần

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Huỳnh Thị Huyền Trân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T:*** Bà Nguyễn Thị Hoàng Danh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2025, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 78/2024/TLST-DS ngày 26 tháng 11 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2025/QĐXXST-DS ngày 05/3/2025 giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Cao Thị Xuân H, sinh năm 1989 (Có mặt);

Địa chỉ: Ấp Đ, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1960 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Đ, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Đang chấp hành án tại Trại giam Định Thành; địa chỉ trụ sở tại: Ấp Hòa Thành, xã Định Thành, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1955 (Có đơn xin xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp Đ, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của chị Cao Thị Xuân H và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn trình bày và yêu cầu:*

Chị có tham gia góp dây nhiều dây hụi do vợ chồng bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn T làm đầu thảo hụi, trong đó có dây hụi khui ngày 15/8/2019 (âl). Hình thức tham gia góp hụi được thỏa thuận như sau: Loại hụi 1.000.000 đồng có 16 phần, kỳ mở hụi đầu tiên vào ngày 15/8/2019 (âl) sau đó 01 tháng khui 01 lần, hình thức lĩnh hụi là thành viên trong dây hụi bỏ thăm cao nhất thì hốt, việc góp hụi là sau khi đã mở hụi thì đầu thảo đi gom tiền của hụi viên sau đó giao tiền tại nhà hụi viên được lĩnh hụi. Mỗi người lĩnh hụi thỏa thuận trả cho đầu thảo hưởng huê hồng số tiền 500.000 đồng/lần hốt. Chị Cao Thị Xuân H tham gia 01 phần lấy tên trong danh sách hụi là "*Hằng*".

Chị H đóng hụi sống đầy đủ từ lần khui thứ 1 đến lần khui thứ 13 số tiền 9.050.000 đồng, đến lần khui thứ 14 thì đầu thảo tuyên bố úp hụi nhưng không hoàn trả tiền hụi sống đã đóng. Nay bà T đã bị Tòa án nhân dân tỉnh T xét xử về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và đang chấp hành án theo bản án hình sự số: 09/2023/HS-ST ngày 15-02-2023, số tiền hụi này chưa được giải quyết trong vụ án hình sự nên Chị H yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn T phải liên đới trả số tiền hụi sống đã đóng bằng 9.050.000 đồng và không yêu cầu tính lãi hụi.

- *Bị đơn bà Nguyễn Thị T đang chấp hành án tại Trại giam Định Thành, tại biên bản lấy lời khai (bút lục số 84-85) bà Ttrình bày:* Thừa nhận có mở dây hụi khui ngày 15/8/2019 (âl), thừa nhận chị H có tham gia góp 01 phần trong dây hụi và đóng hụi sống từ lần khui thứ 1 đến lần khui thứ 13 lấy tên trong danh sách hụi "*Hằng*" là đúng, đến lần khui thứ 14 đầu thảo úp hụi. Qua đối chiếu tại cơ quan Công an Chị H đã đóng cho bà 13 lần hụi sống bằng số tiền 8.770.000 đồng, bà đồng ý trả số tiền này cho chị H, không tính lãi hụi. Việc bà tự tổ chức khui hụi có tiền huê hồng là để phục vụ nhu cầu ăn uống trong nhà, chồng bà ông Nguyễn Văn T và các con không hay biết, không liên quan đến việc bà tự tổ chức khui hụi nên bà lãnh trách nhiệm trả một mình.

- *Bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:* Ông là chồng của bà Nguyễn Thị T nhưng việc tổ chức khui hụi và thu tiền hụi là do bà T tự mình tổ chức làm không có liên quan đến ông. Nay các hụi viên đồng khởi kiện yêu cầu ông bà T phải liên đới trả tiền hụi còn nợ thì ông không đồng ý.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân huyện T đã thực hiện tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đến lần thứ 2 nhưng bị đơn có đơn xin vắng mặt, do đó Tòa án lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được vụ án và đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015.

Tại phiên tòa hôm nay, Chị H có thay đổi nội dung khởi kiện, qua Tòa án làm việc bà T chỉ thừa nhận số tiền hụi sống đã đóng 13 lần bằng 8.770.000 đồng là không đúng, nhưng do tin tưởng vào đầu thảo mà các lần đóng hụi hai bên không làm giấy tờ gì cả, bà T cũng không ký nhận tiền của chị nên không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh đã đóng số tiền như chị yêu cầu. Nay chị đồng ý với lời trình bày của bà T, yêu cầu bà T ông T phải liên đới trả số tiền 8.770.000 đồng, không yêu cầu tính lãi hụi.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự tại phiên tòa cho rằng việc thụ lý vụ án "Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hụi" là đúng quan hệ tranh chấp. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đảm bảo đúng quy định. Về đưa người tham gia tố tụng, Tòa án đã đưa đầy đủ trong hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay nên việc xét xử đúng pháp luật. Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn ông T bà T nhưng đã có đơn xin xét giải quyết, xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích nội dung vụ án kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C. Buộc bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn T phải có trách nhiệm liên đới trả cho chị Cao Thị Xuân H số tiền hụi sống đã đóng bằng 8.770.000 đồng, chị H không yêu cầu tính lãi hụi nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về án phí: bà T ông T được miễn nộp tiền án phí theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Cao Thị Xuân H khởi kiện bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn T phải trả số tiền hụi sống đã đóng, quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hụi". Bị đơn cư trú tại Ấp Đ, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh.

[2] Về đưa người tham gia tố tụng và hòa giải: Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn Tòa án đã đưa bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn T vào tham gia tố tụng với tư cách bị đơn trong vụ án. Bị đơn bà T hiện đang chấp hành án theo bản án hình sự số: 09/2023/HS-ST ngày 15-02-2023 tại Trại giam Định Thành, địa chỉ ấp Hòa Thành, xã Định Thành, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang, đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các thông báo về việc thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vụ án và có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt. Tại phiên tòa nguyên đơn Chị H có mặt, bị đơn bà T ông T đều có đơn xin vắng

mặt, căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung: Tại phiên tòa hôm nay, chị H thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bà T ông T phải có trách nhiệm liên đới trả số tiền hụi sống đã đóng 13 lần bằng 8.770.000 đồng, không yêu cầu tính lãi hụi. Xét thấy việc xin thay đổi yêu cầu khởi kiện của Chị H là tự nguyện, không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Xét yêu cầu khởi kiện của chị H là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận, bởi lẽ:

[3.1] Đối với bà Nguyễn Thị T đang chấp hành án tại Trại giam Định Thành, sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân huyện T đã sao gửi toàn bộ các tài liệu chứng cứ có liên quan đến dây hụi để bà có ý kiến trình bày hoặc phản bác lại yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như các tài liệu chứng cứ mà bà Nguyễn Thị C đã giao nộp. Tại biên bản lấy lời khai (bút lục số 84-85) bà T không phản đối mà thừa nhận và đồng ý hoàn trả cho chị H số tiền hụi sống đã đóng 13 lần bằng 8.770.000 đồng, đây là chứng cứ không cần phải chứng minh.

[3.2] Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn T không đồng ý liên đới với bà T trả tiền hụi theo yêu cầu của nguyên đơn mà cho rằng việc tổ chức khui hụi và thu tiền hụi là do bà T tự mình tổ chức làm không có liên quan đến ông, cũng như lời khai của bà T cho rằng việc bà tự tổ chức khui hụi có tiền huê hồng là để phục vụ nhu cầu ăn uống trong nhà, chồng bà ông Nguyễn Văn T và các con không hay biết, không liên quan đến việc bà tự tổ chức khui hụi nên bà lãnh trách nhiệm trả một mình. Hội đồng xét xử xét thấy, lời trình bày của bà T, ông T là không phù hợp, bởi lẽ: bà T và ông T là vợ chồng, bà T đã tổ chức khui hụi trong một thời gian dài từ năm 2009 cho đến khi úp hụi, ông T sống cùng bà T biết nhưng không có ý kiến, không phản đối việc bà T tổ chức khui hụi, việc bà T tổ chức khui hụi có tiền huê hồng là nhằm để phục vụ nhu cầu thiết yếu, chăm lo cho cuộc sống gia đình. Do đó căn cứ Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử có cơ sở buộc ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị T phải có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho chị Cao Thị Xuân H số tiền hụi sống đã đóng bằng 8.770.000 đồng.

[4] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Cao Thị Xuân H. Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị T phải có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho chị Cao Thị Xuân H số tiền hụi sống bằng 8.770.000 đồng trong dây hụi khui ngày 15/8/2019 (âl) loại hụi 1.000.000 đồng. Chị H không yêu cầu tính lãi hụi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Xét thấy quan điểm đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tại phiên tòa là phù hợp với nhận định nêu trên nên được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn T là người cao tuổi, có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên thuộc trường hợp miễn nộp án phí theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/NQ-

UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Chị Cao Thị Xuân H không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5; Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường;

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Cao Thị Xuân H.

**2**. Buộc bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn T phải có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho chị Cao Thị Xuân H số tiền hụi sống bằng 8.770.000 đồng (trong dây hụi khui ngày 15/8/2019 (âl) loại hụi 1.000.000 đồng, có 16 phần do bà T làm đầu thảo hụi).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

**3.** Về án phí: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn T được miễn nộp tiền án phí.

Hoàn trả cho chị Cao Thị Xuân H số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006386 ngày 07/11/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Trà Vinh.

**4.** Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai báo cho nguyên đơn có mặt tại phiên tòa biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để xin Tòa án nhân dân tỉnh T xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh T;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đã ký**